TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DSST
Ngày: 18/4/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hết

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Trần Thị Kim Quyên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Kim T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 861/1 ấp 1, xã Sơn Đ, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn : Bà Trần Ngọc X, sinh năm 1989. Nơi cư trú: 458 ấp Tân Điền 1, xã Sơn P, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trương Thanh P, sinh năm 1985

Bà Phạm Thị Bé N, sinh năm 1984

Địa chỉ: 354/2D, ấp An B, xã An Th, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/6/2024 bà Phạm Kim T có cho vợ chồng ông Trương Thanh P, bà Phạm Thị Bé N vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng, việc vay tiền có lập hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân. Đến hạn thanh toán, bà T có liên hệ ông P bà N yêu cầu trả lãi và trả lại tiền gốc là 200.000.000 đồng nhưng ông P bà N cố tình né tránh và kéo dài cho đến nay. Vì

vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 03/6/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là ông Trương Thanh P, bà Phạm Thị Bé N nhưng ông bà đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung tranh chấp thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại ấp An Bình, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Kim T yêu cầu ông Trương Thanh P, bà Phạm Thị Bé N trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và lãi suất chậm trả. Chứng cứ bà T cung cấp là hợp đồng vay tài sản ngày 03/6/2024 giữa bà T và ông P bà N, hợp đồng có công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân và giấy tay xác nhận nhận tiền của bà Phạm Thị Bé N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là ông Trương Thanh P, bà Phạm Thị Bé N nhưng ông bà đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên phải chịu hậu quả bất lợi của việc vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông P bà N có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, ông bà đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng của bà T. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P bà N không thanh toán tiền vốn và lãi cho bà T khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ nên ông bà phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ là 200.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Bà T yêu cầu ông P bà N trả lãi chậm trả từ ngày 03/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1,66%/tháng. Theo quy định của pháp luật thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất bà T yêu cầu phù hợp quy định pháp luật do đó bà T yêu cầu ông P bà N trả lãi chậm trả với lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ, tiền lãi được tính như sau:

200.000.000 đồng x 1,66 % x 10,5 tháng = 34.860.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi ông P bà N trả cho bà T là: 200.000.000 đồng + 34.860.000 đồng = 234.860.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông P bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (5% giá trị tài sản có tranh chấp).

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim T đối với ông Trương Thanh P, bà Phạm Thị Bé N, cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Trương Thanh P bà Phạm Thị Bé N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Kim T số tiền là 234.860.000 đồng (Hai trăm ba bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) , trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 34.860.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trương Thanh P bà Phạm Thị Bé N có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.743.000 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn ba nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Phạm Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008386 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở